

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN
HỌC BỔNG HK1**

Khoa GDTC (năm học 2010 -2011)
(Danh sách kèm theo quyết định số
1063/QĐ-ĐHSP ngày 06/06/2011)

STT	Họ và tên	Mã SV	ĐT BH	ĐR L	Mức c	Số tiền học bổng
1	Võ Thị Ngọc c	Giàu	K362.7	91	.90 4 3.0 16	240,1,2 000 00, 000
2	Lê Hoà ng	Hải	K362.8	78	.90 6 3.0 20	240,1,2 000 00, 000
3	Lý Nhự t	Hoà	K363.2	71	.90 4 3.0 23	240,1,2 000 00, 000
4	Bùi Mìn h	Kha	K362.6	89	.90 7 3.0 36	240,1,2 000 00, 000
5	Hồ		K362.9	71	.90 0 3.0 51	240,1,2 000 00, 000
6	Bùi Qua ng	Đại	K362.7	91	.90 1 3.0 55	240,1,2 000 00, 000
7	Ngu yễn Trầ n Thiệ n	Phú	K363.1	84	.90 2 3.0 74	240,1,2 000 00, 000

8	Lê Phú	K362.8	71		
	Hoà	.90	1	240,1,2	
	ng	3.0		000 00,	
		75		000	
9	PhanQuỳ	K362.6	75		
	Phư nh	.90	7	240,1,2	
		3.0		000 00,	
		78		000	
10	Ngu Toà	K363.2	74		
	yễn n	.90	1	240,1,2	
		3.1		000 00,	
		07		000	
11	Lê Trìn	K362.8	85		
	h	.90	3	240,1,2	
		3.1		000 00,	
		10		000	
12	TrầnDun	K362.8	81		
	Thị g	.90	6	240,1,2	
	Phư	3.0		000 00,	
	ơng	11		000	
13	TrầnHạ	K362.9	77		
	Thị h	.90	8	240,1,2	
	Mỹ	3.0		000 00,	
		17		000	
14	Ngô Linh	K363.2	82		
	Ngu	.90	4	300,1,5	
	yễn	3.0		000 00,	
	Thù	41		000	
	y				
15	Ung Lon	K363.1	73		
	g	.90	2	240,1,2	
		3.0		000 00,	
		46		000	
16	Lưu Trâ	K363.5	98		
	Ngọ m	.90	2	300,1,5	
	c Th	3.1		000 00,	
	a	08		000	
	nh				
17	TrầnTuấ	K362.8	75		
	Mín n	.90	6	240,1,2	
	h	3.1		000 00,	
		20		000	
18	TrầnTuy	K362.8	85		
	Thị ền	.90	8	240,1,2	

	Tha	3.1	000 00,
	nh	23	000
19	Huỳnh Tử	K362.7 83	
	nh H	.90 4	240,1,2
		3.1	000 00,
		09	000
20	Ngư Hươ	K363.1 70	
	yễn ng	.90 0	240,1,2
	Thị	3.0	000 00,
		26	000
21	Trần Ngộ	K362.8 70	
	Thị c	.90 1	240,1,2
		3.0	000 00,
		61	000
22	Ngư Tha	K362.7 72	
	yễn nh	.90 9	240,1,2
	Hoà	3.0	000 00,
	ng	87	000
23	Đặng Tran	K362.7 70	
	g Ngg	.90 6	240,1,2
	uyễn	3.1	000 00,
	Thù	09	000
	y		
24	Đàm Bảo	K357.7 83	
	Lê	.90 5	240,1,2
	Ngộ	3.0	000 00,
	c	05	000
25	Khư Chư	K358.2 82	
	ơng ờng	.90 9	300,1,5
	Văn	3.0	000 00,
		09	000
26	Sau Hà	K357.7 82	
	Mỹ	.90 5	240,1,2
		3.0	000 00,
		24	000
27	Hồ	K358.3 83	
	Thị	.90 2	300,1,5
	Thu	3.0	000 00,
		28	000
28	Ngư Khá	K357.5 70	
	yễn nh	.90 7	240,1,2
		3.0	000 00,
		39	000

29	Ngu Nghi	K357.6	82		
	yễn a	.90	1	240,1,2	
	Thị	3.0		000 00,	
		56		000	
30	Đỗ Ngu	K357.6	82		
	Thị y	.90	4	240,1,2	
	ên	3.0		000 00,	
		59		000	
31	Ngu	K358.0	80		
	yễn	.90	7	300,1,5	
	Thà	3.0		000 00,	
	nh	80		000	
	Chí				
32	Lê Thà	K357.8	78		
	Ngọ nh	.90	2	240,1,2	
	c	3.0		000 00,	
		86		000	
33	Ngu Thu	K358.2	83		
	yễn	.90	1	300,1,5	
	Thị	3.0		000 00,	
	Lệ	92		000	
34	Trần Tùn	K357.6	78		
	Tha g	.90	8	240,1,2	
	nh	3.1		000 00,	
		08		000	
35	Thâ Đào	K358.4	92		
	n	.90	3	300,1,5	
		3.0		000 00,	
		17		000	
36	Giáp	K358.4	83		
		.90	3	300,1,5	
		3.0		000 00,	
		22		000	
37	Đỗ Ly	K357.5	83		
	Thị	.90	7	240,1,2	
	Ái	3.0		000 00,	
		51		000	
38	Trần	K358.2	84		
	Hồ	.90	5	300,1,5	
	Mín	3.0		000 00,	
	h	96		000	

39 Lê Dươ K357.8 80
 ng .90 9 240,1,2
 3.0 000 00,
 15 000

40 Lê Thi K357.8 95
 Thị .90 9 240,1,2
 3.0 000 00,
 89 000

41 Trư Chiế K348.6 87
 ơng n .90 3 300,1,5
 Min 3.0 000 00,
 h 10 000

42 Ngu Thu K348.5 86
 yễn ần .90 8 300,1,5
 3.0 000 00,
 85 000

43 Quã Triể K348.9 80
 ng n .90 5 300,1,5
 3.0 000 00,
 96 000

44 Trư Tú K348.5 78
 ơng .90 8 240,1,2
 3.1 000 00,
 11 000

45 Ngu Vũ K348.5 99
 yễn .90 8 300,1,5
 3.1 000 00,
 17 000

46 Trần Lĩnh K348.6 87
 .90 3 300,1,5
 3.0 000 00,
 48 000

47 Ngu Nhi K348.7 81
 yễn .90 9 300,1,5
 Thị 3.0 000 00,
 59 000

48 Trần Phúc K349.2 87

Hoà	.90 1	300,1,5
ng	3.0	000 00,
	65	000

49 Lê Quy K349.2 100

Thị ên	.90 1	360,1,8
Tú	3.0	000 00,
	70	000

50 Lý Thê K349.1 80

Tài	.90 1	300,1,5
	3.0	000 00,
	81	000

51 Trần Thu K349.2 90

Hoà ận	.90 1	360,1,8
ng	3.0	000 00,
	86	000

52 Trần Toá K348.7 80

n	.90 9	300,1,5
	3.0	000 00,
	94	000

53 Phan Tuy K349.4 85

Nhật ền	.90 7	300,1,5
	3.1	000 00,
	09	000

54 Đoà Vỹ K348.5 92

n Hồ	.90 8	300,1,5
ng	3.1	000 00,
	18	000

55 Võ Hoa K348.6 83

Thị	.90 3	300,1,5
Tha	3.0	000 00,
nh	26	000

56 Hà Oan K348.6 99

h	.90 3	300,1,5
	3.0	000 00,
	63	000

57 Cao Phư K348.8 98

Mìn ơng	.90 9	300,1,5
h	3.0	000 00,
	66	000

58 Ngu Trun K348.6 80

	yễn g	.90 3	300,1,5
	Thà	3.0	000 00,
	nh	98	000
59	TrầnĐại	K339.1 94	
	Huỳ	.90 4	360,1,8
	nh	3.0	000 00,
		06	000
60	Lê Ninh	K338.6 96	
		.90 2	300,1,5
		3.0	000 00,
		35	000
61	Cao Qua	K338.6 88	
	Mín ng	.90 2	300,1,5
	h	3.0	000 00,
		44	000
62	Lại Thư	K338.6 88	
	Phụ	.90 7	300,1,5
	ng	3.0	000 00,
		60	000
63	Lê Đôn	K338.7 97	
	g	.90 6	300,1,5
		3.0	000 00,
		07	000
64	Lê Mỹ	K338.9 91	
	Thị	.90 5	300,1,5
	Ngọ	3.0	000 00,
	c	26	000
65	Ngô Ngọ	K338.6 86	
	Thị c	.90 2	300,1,5
	Thu	3.0	000 00,
		32	000
66	Vũ Thà	K338.5 85	
	Thị o	.90 7	300,1,5
	Tha	3.0	000 00,
	nh	56	000
67	ĐinhThiế	K338.7 89	
	Thị t	.90 6	300,1,5
	Thu	3.0	000 00,
		57	000
68	Ngu Tú	K338.7 84	
	yễn	.90 6	300,1,5
	Lâm	3.0	000 00,
	Ngọ	70	000
	c		
69	Đoà Hần	K337.8 83	
	n g	.90 9	240,1,2
	Thị	5.0	000 00,
		22	000

70	PhanHoa	K337.6	86		
	Thị	.90	8	240,1,2	
		5.0		000 00,	
		27		000	
71	Mai Hồ	K337.7	96		
	Sỹ	.90	4	240,1,2	
		5.0		000 00,	
		28		000	
72	Vũ Hùn	K338.1	94		
	Huy g	.90	6	300,1,5	
		5.0		000 00,	
		32		000	
73	Ngu	K338.2	94		
	yễn	.90	1	300,1,5	
		5.0		000 00,	
		68		000	
74	Phạ Tuy	K337.5	93		
	m ền	.90	8	240,1,2	
	Thị	5.0		000 00,	
		75		000	
75	Phạ	K337.5	96		
	m	.90	8	240,1,2	
	Thị	5.0		000 00,	
		80		000	
76	Ngu Đình	K337.5	93		
	yễn	.90	8	240,1,2	
		5.0		000 00,	
		14		000	
77	Vũ Hiếu	K338.0	95		
	Mín	.90	0	300,1,5	
	h	5.0		000 00,	
		26		000	
78	Trần Hùn	K337.7	94		
	Quốc g	.90	9	240,1,2	
	c	5.0		000 00,	
		31		000	
79	Hồ Quy	K337.5	95		
	Trộn ền	.90	3	240,1,2	
	g	5.0		000 00,	
		59		000	
80	Ngu Tuy	K337.5	93		
	yễn ết	.90	3	240,1,2	
	Thị	5.0		000 00,	
		76		000	
81	Lê Tị	K337.7	93		
	Thị	.90	9	240,1,2	

5.0	000 00,
77	000